TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 97/2023/QĐST-DS	*Đ, ngày 31 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 357, 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 167, 188 Luật đất đai.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị H,** sinh năm 1977.

Trú tại: Số 66, thôn T, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị H: Ông Nguyễn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Công ty Luật Nguyễn T, số 90, đường Q, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2021 được Văn phòng công chứng Nguyễn H công chứng).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn V**, sinh năm 1990.

Trú tại: Hẻm 10, đường H, phường 5, thành phố Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn V: Bà **Đinh L,** sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 31, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng công chứng Nguyễn Đ.

Địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ – Trưởng Văn phòng công chứng Nguyễn Đ.

2. Ông **Lê D,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 01, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn V đối với diện tích đất 308m^2, thuộc thửa đất 1298 và diện tích đất 352m^2, thuộc thửa đất số 1299, đều thuộc tờ bản đồ số 32, xã T, huyện Đ. Theo Hợp đồng công chứng số 7736 quyển số 54/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/10/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đ.

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn V do Văn phòng công chứng Nguyễn Đ công chứng số 7736 quyển số 54/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/10/2021 có hiệu lực pháp luật.

- Công nhận diện tích đất 308m^2, thuộc thửa đất 1298 và diện tích đất 352m^2, thuộc thửa đất số 1299, đều thuộc tờ bản đồ số 32, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn V.

- Ông Nguyễn V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền nhận chuyển nhượng đất còn thiếu là 844.000.000đồng *(Tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng)*.

Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Trọng V có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để tiếp tục hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 7736 quyển số 54/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/10/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đ.

- Huỷ hợp đồng vay tài sản ngày 12/10/2021 giữa bà Bùi Thị H và ông Nguyễn V, Theo Hợp đồng công chứng số 7737 quyển số 54/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/10/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí: Ông Nguyễn V nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đồng án phí công nhận hợp đồng chuyển nhượng, 150.000đồng án phí huỷ hợp đồng vay tài sản và án phí trên số tiền phải thanh toán cho bà H là [36.000.000đ + (44.000.000đ x 3%)] : 2 = 18.660.000đồng, tổng cộng là 18.960.000đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 20.115.000đồng ông V đã

tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008107 ngày 26/8/2022 và số tiền tạm ứng án phí 1.625.000đồng ông V đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008442 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn V số tiền 2.780.000đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền 600.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0007244 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- THA huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thanh Hương